

Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Quý IV/ 2025)

1. Thông tin chung về Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DFVN (DFVN – FIX)

1.2. Mục tiêu của Quỹ:

Quỹ hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

1.2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là tăng 2,26% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo.

1.3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Chiến lược đầu tư

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục bao gồm tín phiếu, trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

Tài sản được phép đầu tư:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật Ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện sau:
- Có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; có quy định tại Bản cáo bạch;
- Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

1.4. Phân loại Quỹ:

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

1.5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

1.6. Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp

1.7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 04 tháng 02 năm 2021

1.8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số lượng chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 7.198.440,79 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 71.984.407.900 Đồng Việt Nam (“VND”).

1.9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu

1.10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản có thu nhập cố định với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó, Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

1.11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ:

Quỹ chưa tiến hành phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

2. Số liệu hoạt động

2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ:

Cơ cấu tài sản của Quỹ	31/12/2025 (%)	31/12/2024 (%)	31/12/2023 (%)
1.Danh mục chứng khoán cơ cấu	31,05	20,28	37,78
2.Tiền và tương đương tiền	3,78	11,04	3,10
3.Tài sản khác	65,17	68,68	59,12
Cộng	100,00	100,00	100,00

2.2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
1. NAV của Quỹ (VND)	85.852.592.587	75.950.396.455	68.877.011.888
2. Tổng CCQ đang lưu hành (số lượng)	7,198,440.79	6,675,156.03	6,247,540.38
3. NAV của một đơn vị CCQ (VND)	11.926,55	11.378,07	11.024,66
4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	11.926,57	11.378,07	11.108,17
5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	11.771,81	11.269,52	10.968,54
6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (%)	1,19	1,02	0,02
9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12. Ngày chốt quyền	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,52	1,66	2,15
14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	4,69	26,15	0,00

2.3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	4,82	4,82
- 3 năm	17,01	5,37
- Từ khi thành lập	19,27	3,65

2.4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	31/12/2025 (%)	31/12/2024 (%)	31/12/2023 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng /01 đơn vị CCQ (%)	4,82	3,21	8,16

3. Mô tả thị trường trong kỳ:

Trong quý 4 năm 2025 tình hình thế giới bắt đầu có những chuyển biến tích cực hơn. Tăng trưởng kinh tế của các nền kinh tế lớn dự báo khả quan, lạm phát toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm, FED đã thực hiện cắt giảm lãi suất theo kế hoạch, sức ép cho tỷ giá USD/VND về gần cuối quý 4 dần giảm bớt đi.

Việt Nam sau khi đi vào hoạt động các đơn vị hành chính mới và mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Chính phủ tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% trong năm 2025. Hàng loạt các công trình hạ tầng trọng điểm được khởi công hoặc khởi công đồng loạt trong tháng 12 trên khắp cả nước.

Trong bối cảnh đó, kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục được duy trì ổn định, các chỉ số vĩ mô chính của nền kinh tế được kiểm soát tốt. GDP cả năm 2025 ước tăng 8,02% so với cùng kỳ năm trước (đạt mục tiêu tăng trưởng 8% của Chính Phủ). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%.

Hoạt động sản xuất công nghiệp và đầu tư công là những điểm sáng nổi bật. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) cả năm 2025 tăng 9,2% so với năm 2024. Đồng thời chỉ số PMI tháng 12/2025 ghi nhận ở mức 53, như vậy trong nửa sau của năm 2025 PMI ngành sản xuất của Việt Nam đều duy trì trên mức 50 sau khi suy giảm liên lục trong nửa đầu năm. Điều này cho thấy sự phục hồi của sản xuất sau cho những khó khăn vì chính sách thuế quan của Mỹ. Trong năm 2025,

vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội tăng 12,1%, trong đó vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 850,7 nghìn tỷ đồng, bằng 83,6% kế hoạch năm và tăng 26,6% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù chính sách thuế đối ứng của Mỹ đã có hiệu lực ngày 8 tháng 7, hoạt động xuất nhập khẩu vẫn duy trì tăng trưởng tốt. Cả năm 2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 930 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,0%; nhập khẩu tăng 19,4%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20 tỷ USD. Tiêu dùng trong nước tiếp tục phục hồi với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,2% so với 2024. Lạm phát được kiểm soát hiệu quả, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm tăng 3,31%, thấp hơn so với mục tiêu đề ra 4,5%.

Nhìn chung, kinh tế năm 2025 đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ với mức tăng trưởng GDP ấn tượng, sản xuất công nghiệp và thu hút đầu tư khởi sắc, các hoạt động thương mại, dịch vụ diễn ra sôi động. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với nhiều thách thức từ bối cảnh bất ổn của kinh tế thế giới, các rủi ro về địa chính trị và chính sách bảo hộ thương mại. Điều này đòi hỏi sự điều hành chính sách vĩ mô chủ động, linh hoạt và thận trọng trong năm 2026 để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

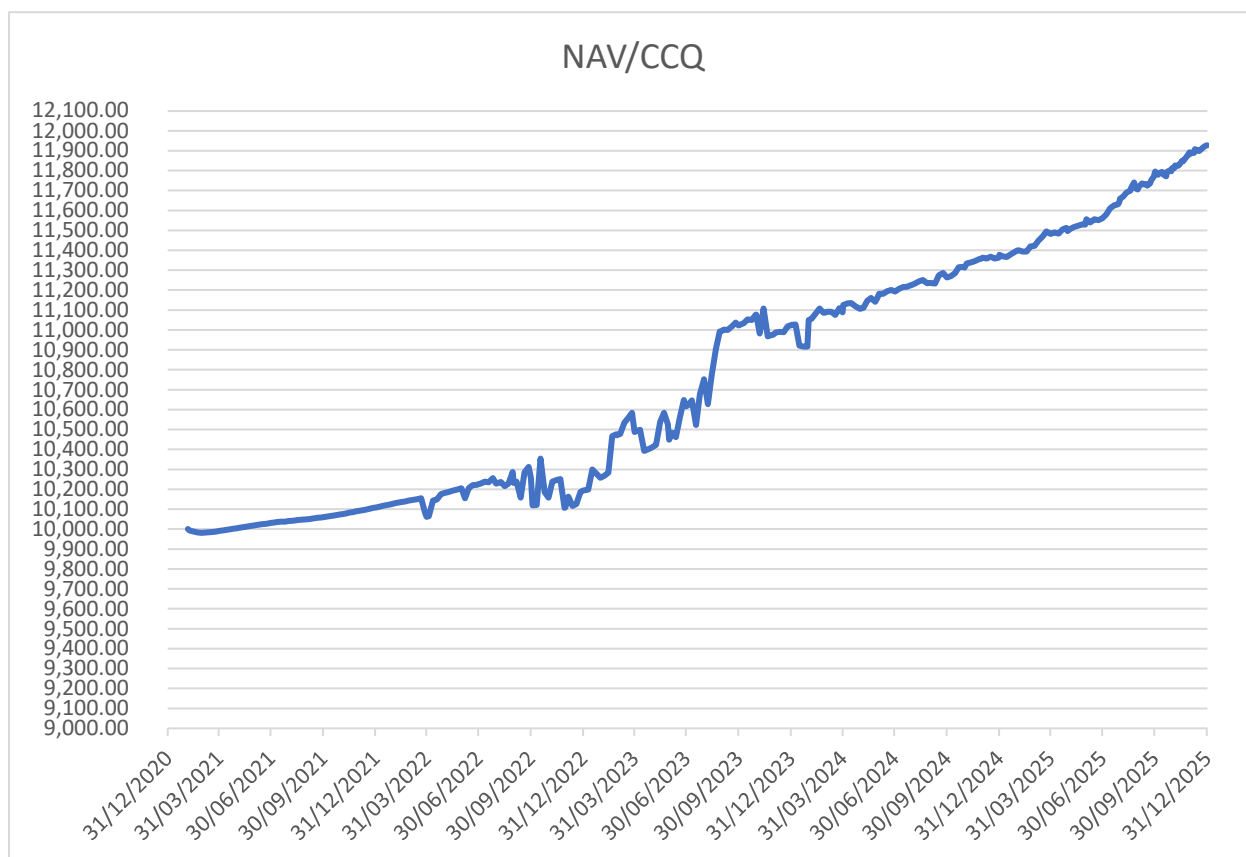
4. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ:

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	4,82	17,01	19,27
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	4,82	5,37	3,65
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (*)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (**)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

(*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(**) Quỹ không có giá trị thị trường.



• Thay đổi NAV:

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Tỷ lệ thay đổi (%)
NAV của Quỹ	85.852.592.587	75.950.396.455	13,04
NAV trên 1 CCQ (“NAV/CCQ”)	11.926,55	11.378,07	4,82

4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5,000	3795	852.364,16	11,84
Từ 5,000 – dưới 10,000	17	103.881,72	1,44
Từ 10,000 – dưới 50,000	11	242.194,91	3,36
Từ 50,000 – dưới 500,000	0	-	0,00
Từ 500,000	1	6.000.000,00	83,35
Tổng cộng	3824	7,198,440.79	100,00

4.3. Chi phí ngầm và giảm giá

Quỹ không có chi phí ngầm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.

5. Thông tin về triển vọng thị trường

Trong Quý 4 năm 2025, FED đã tiếp tục cắt giảm thêm lãi suất theo như kế hoạch của năm 2025 vào tháng 12. Đồng thời, chỉ số DXY, thước đo sức mạnh của USD, tiếp tục xu hướng suy giảm so với đầu năm. Với những điều kiện thuận lợi trên đã phần nào giúp sức ép tỷ giá USD/VND hạ nhiệt từ tháng 12, với tỷ giá liên ngân hàng đến ngày 31/12 đã tăng 3,3% so với cuối năm 2024 ở mức 25.386 USD/VND. Tỷ giá tăng không quá lớn và lạm phát được kiểm soát tốt đã tạo không gian cho Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ để đạt mục tiêu 16% cho cả năm 2025 (đến cuối năm 2025 tăng trưởng tín dụng ước đạt khoảng 19%), đồng thời thông qua thị trường mở Ngân hàng nhà nước đã hỗ trợ thanh khoản với số dư cho vay đạt mức kỷ lục. Tuy nhiên với tốc độ tăng trưởng tín dụng cao và thanh khoản thời điểm cuối năm của hệ thống Ngân hàng khá căng thẳng, những yếu tố này có thể thiết lập mặt bằng lãi suất huy động mới cao hơn trong năm 2026.

Đối với thị trường Trái phiếu Chính phủ (TPCP), năm 2026 được dự báo vẫn sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc huy động vốn của Chính Phủ để đáp ứng nhu cầu ngân sách và giải ngân đầu tư công. Dự kiến chi đầu tư công trong năm 2026 là hơn 1,1 triệu tỷ đồng và bội chi ngân sách ở mức 600 ngàn tỷ đồng. Bên cạnh đó với nhu cầu đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản cao, an toàn của các định chế tài chính, nhu cầu phát triển hạ tầng được kỳ vọng sẽ là động lực giúp thị trường TPCP tiếp tục sôi động trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, sau giai đoạn niềm tin suy giảm và nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn về thanh khoản dòng tiền trả nợ, thị trường này đã đối mặt với rủi ro gia tăng. Tuy nhiên, đã có tín hiệu cho thấy xu hướng trở lại của hoạt động phát hành mới từ năm 2024 đến nay. Bên cạnh đó, việc thị trường giao dịch thứ cấp trái phiếu doanh nghiệp được vận hành chính thức tại HNX từ ngày 19/7/2023 đã nâng cao tính thanh khoản, tăng cường sự công khai, minh bạch và củng cố niềm tin cho nhà đầu tư. Điều này hỗ trợ thị trường phát triển minh bạch và bền vững hơn trong tương lai.

6. Thông tin khác

6.1. Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

Ông Trần Châu Danh Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư	<i>Trình độ chuyên môn</i> • Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh; • Cử nhân Ngân hàng, Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh; • Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan, Thành phố Hồ Chí Minh; • Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst); • Văn bằng Chuyên gia Phân tích Kỹ thuật Thị trường Chứng khoán CMT (Chartered Market Technician); • Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. <i>Kinh nghiệm làm việc</i>
---	---

	Ông có trên hai mươi (20) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư. Ông đã tham gia hoạt động vào Thị trường Chứng khoán Việt nam từ khi thị trường mới được thành lập. Trước khi gia nhập Công ty, ông đã làm việc tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam với vai trò là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư, phụ trách các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản nợ có từ năm 2011. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, ông Danh từng giữ các vị trí chủ chốt tại các công ty quản lý quỹ trong và ngoài nước, đặc biệt ông Danh có hơn bảy (07) năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (trước đó có tên là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Prudential Việt Nam).
Ông Fumihiko Kida Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro	<i>Trình độ chuyên môn</i> • Cử nhân Thương mại, Đại học Doshisha, Nhật Bản; • Chuyên gia Phân tích (Certified Member Analyst) của Hiệp hội Phân tích Chứng khoán Nhật Bản. <i>Kinh nghiệm làm việc</i> Ông đã có hơn mười lăm (15) năm kinh nghiệm làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm và đầu tư ở nước ngoài. Trước khi sang Việt Nam làm việc tại Công ty, ông từng đảm nhiệm vị trí cấp cao tại Trung tâm Tài chính Doanh Nghiệp của Dai-ichi Life Nhật Bản, phụ trách nghiệp vụ thẩm định tín dụng và cho vay đối với các khoản vay ưu tiên, tài trợ cho vay các thương vụ mua thầu tóm bằng vốn vay và cho vay cấp vốn dựa trên tài sản. Trước đó, ông cũng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý và lập ngân sách đầu tư tại Dai-ichi Life Nhật Bản.

6.2. Người điều hành Quỹ

Bà Trần Thị Thu Hà, Phó Giám đốc Đầu tư	<i>Trình độ chuyên môn</i> • Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng của Trường Đại học khoa học Ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ; • Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh; • Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. <i>Kinh nghiệm làm việc</i>
---	---

	Bà đã có hơn mười chín (19) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, trong đó hơn mười ba (13) năm làm việc trong lĩnh vực phân tích đầu tư các sản phẩm có thu nhập cố định của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam. Bà gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam từ năm 2010 và hiện giữ cương vị Phó Giám đốc Đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư trái phiếu và công cụ tiền tệ tại Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, bà từng phụ trách mảng nghiên cứu, phân tích đầu tư cho Công ty Indochina Land, một quỹ đầu tư bất động sản tại Việt Nam.
Bà Hồ Thị Mai Phương, Phụ trách cao cấp Nghiệp vụ Quản lý Quỹ	<i>Trình độ chuyên môn</i> • Thạc sỹ Phân tích tài chính của Trường Đại học New South Wales, Sydney, Úc; • Cử nhân Tài chính - Ngân hàng - Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh; • Cử nhân Luật Kinh doanh - Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh; • Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. <i>Kinh nghiệm làm việc</i> Bà đã có trên mười ba (13) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán. Trong đó, có hơn năm (05) năm kinh nghiệm và giữ chức vụ phụ trách nghiệp vụ quản lý quỹ của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam. Trước khi gia nhập Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, bà đã có tám (08) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phân tích đầu tư tại Văn phòng đại diện Tong Yang Asset Management Corp., trực thuộc Tong Yang Asset Management Corp. có trụ sở ở Hàn Quốc.

6.3. Ban Đại diện Quỹ

Ông Đỗ Hùng Việt Chủ tịch	Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư. Ông từng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSC”). Trước đó, ông đã từng giữ cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc HSC và Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam
---	---

	(“VASB”). Trước khi gia nhập HSC, ông đã có bốn (4) năm làm việc tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (“HIFU”) với vị trí Trưởng phòng ủy thác.
Ông Huỳnh Văn Dũng Thành viên	Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và cung cấp dịch vụ chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm toán. Ông hiện đang là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (“VAE”). Ông đã có thời gian đảm nhiệm cương vị Giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn An Việt; và đã từng là Chủ nhiệm Kiểm toán cao cấp của VACO – Deloitte JV. Ông có Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia (“CPA”), là thành viên Hội Kiểm toán Hành nghề Việt Nam (“VACPA”), thành viên Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam (“VAA”) và thành viên Hội tư vấn Thuế Việt Nam (“VTCA”).
Ông Nguyễn Gia Huy Chương Thành viên	Ông đã có hai mươi (20) năm kinh nghiệm về tư vấn doanh nghiệp, tư vấn thuế và bất động sản. Công việc của ông chủ yếu trong các lĩnh vực: tư vấn về doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập và mở rộng danh mục khách hàng đến cả các lĩnh vực chuyên môn nhất: bất động sản, nghỉ dưỡng, xây dựng, tài chính công nghệ, y tế, ẩm thực và đồ uống (“F&B”), quản lý cảng, vận tải và viễn thông. Hiện tại, ông đang đóng vai trò là Luật sư điều hành của Global Vietnam Lawyers LLC (“GV Lawyers”), một công ty luật quốc tế được thành lập gần đây bởi một nhóm luật sư tận tâm và giàu kinh nghiệm, những người đã tạo dựng và đẩy mạnh sự nghiệp của mình tại các công ty luật hàng đầu của Việt Nam. Trong đó, gần đây nhất, có Công ty luật Phước & Các Cộng sự (“Phuoc & Partners”). Ông đã có 12 năm liên tục trong vai trò là Giám đốc và là Luật sư điều hành của Phuoc & Partners. Ông có bằng Thạc sĩ luật chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế tại Trường Luật Bristol Law School, Đại học UWE Bristol, UK; là thành viên Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; thành viên Hiệp hội Luật sư khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2026

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM

Trần Châu Danh

TỔNG GIÁM ĐỐC